CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Khoáng sản Bắc Kạn

Ngày 31/03/2025	53,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	**246.8**	**734.4**

DT thuần *Q1/25*
23.4 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼216| -90.2%
YoY: ▼37.6| -61.7%

LN thuần *Q1/25*
2.07 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼35.4| -94.5%
YoY: ▲ 0.83| 67.0%

LN sau thuế *Q1/25*
1.98 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼28.0| -93.4%
YoY: ▲ 0.53| 36.5%

Tỷ suất lãi EBIT *Q1/25*
14.8%
YoY: +/-▼ 1.4%

ROE (TTM) *Q1/25*
25.3%
YoY: +/-▲ 0.2%

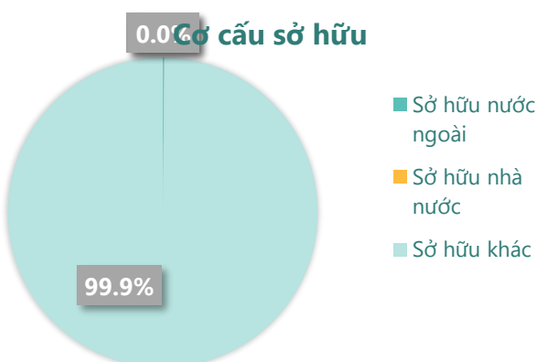
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,200 - 93,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	627
Số lượng CPLH (CP)	11,737,728
KLGD BQ 20 phiên (CP)	51,080
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	
EPS	4,547
P/E	11.7

DT thuần *2024*
567 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 127| 29.0%

LN thuần *2024*
62.8 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 58.5| 1361%

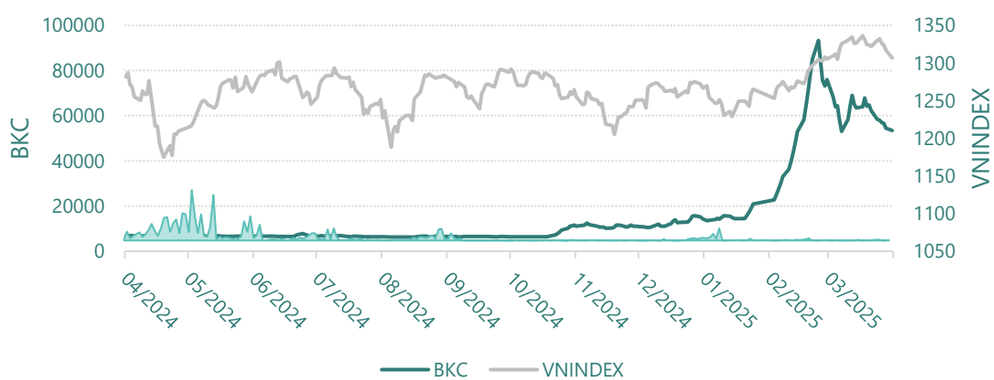
LN sau thuế *2024*
51.9 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 46.8| 911%

Cơ cấu sở hữu

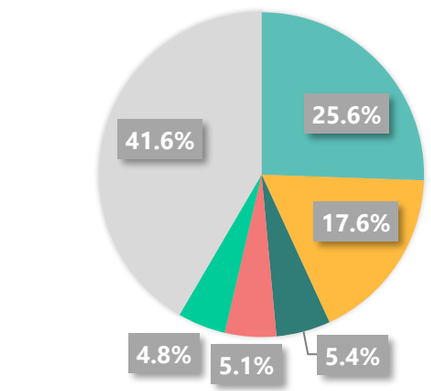


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

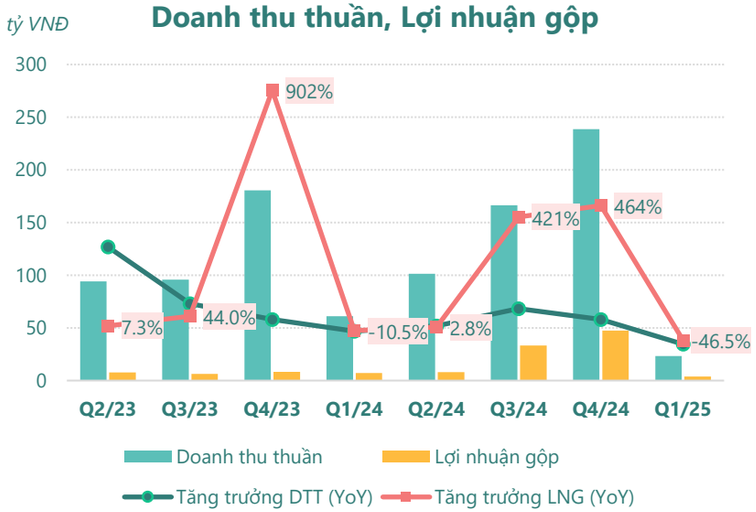


- Công ty TNHH Tập Đoàn Thiên Mã
- Công ty TNHH Dịch vụ ANB
- Đặng Thanh Vân (Thành viên Ban kiểm soát)
- Mai Văn Bản
- CTCP Kim loại màu Bắc Bộ
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

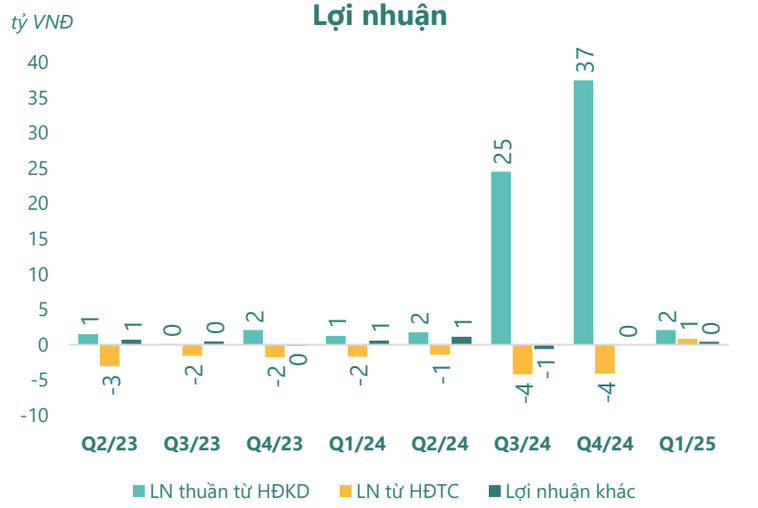
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



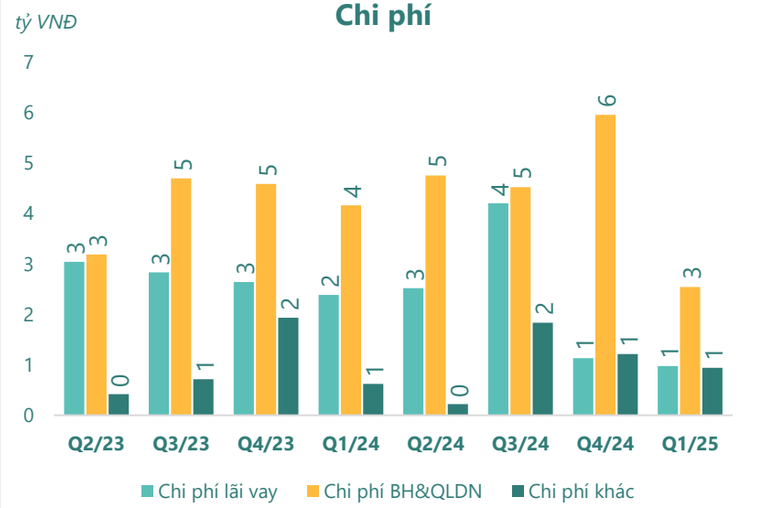
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



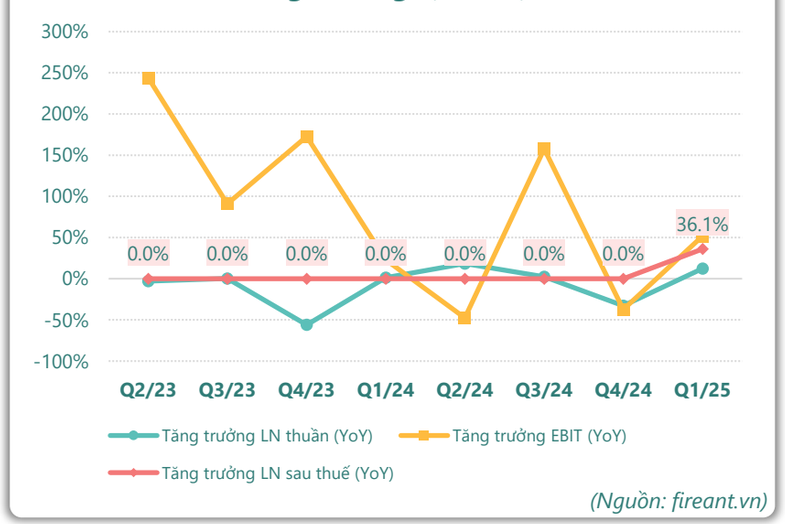
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



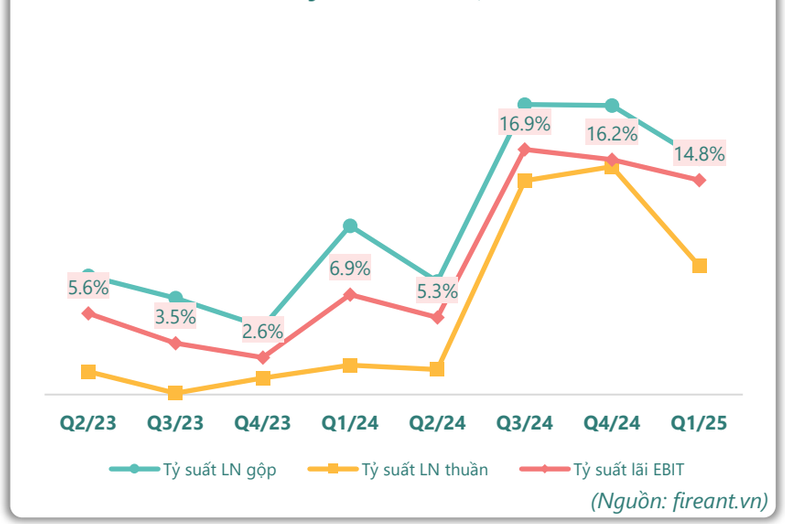
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



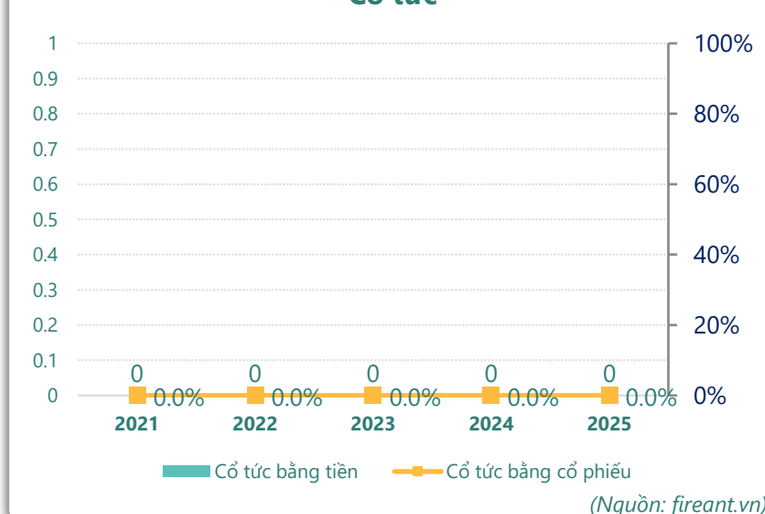
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

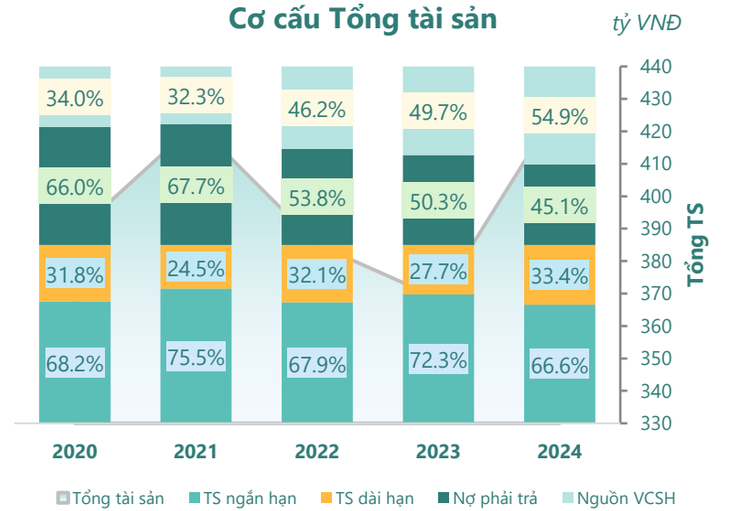
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

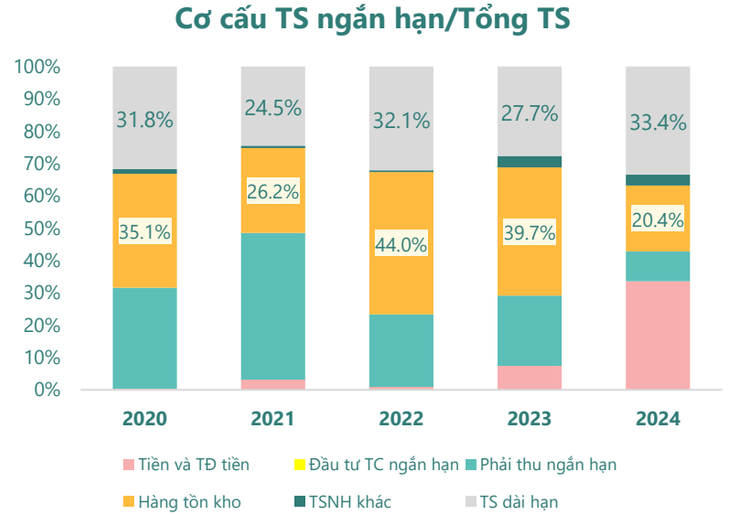
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



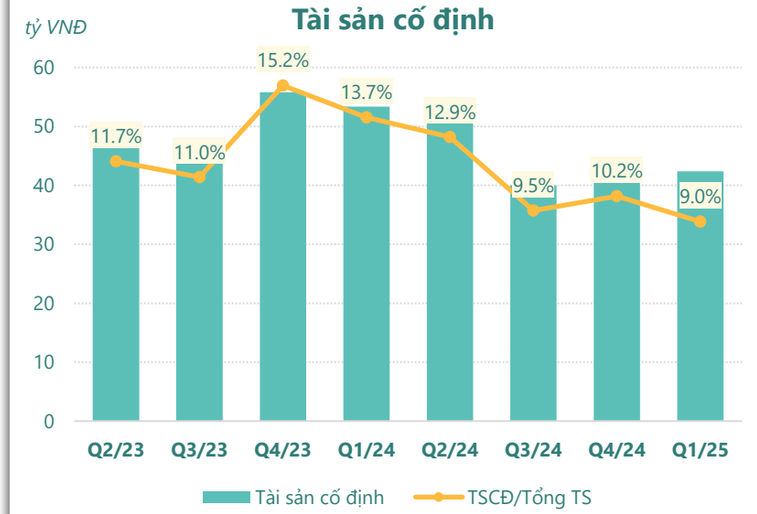
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



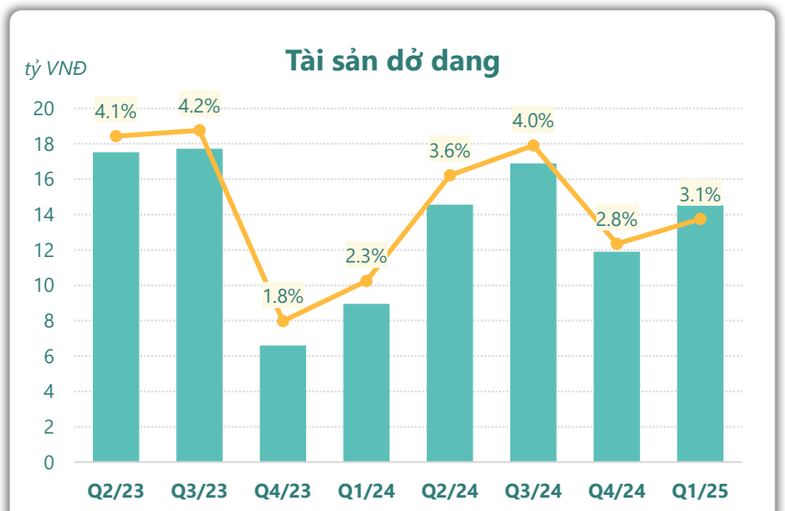
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



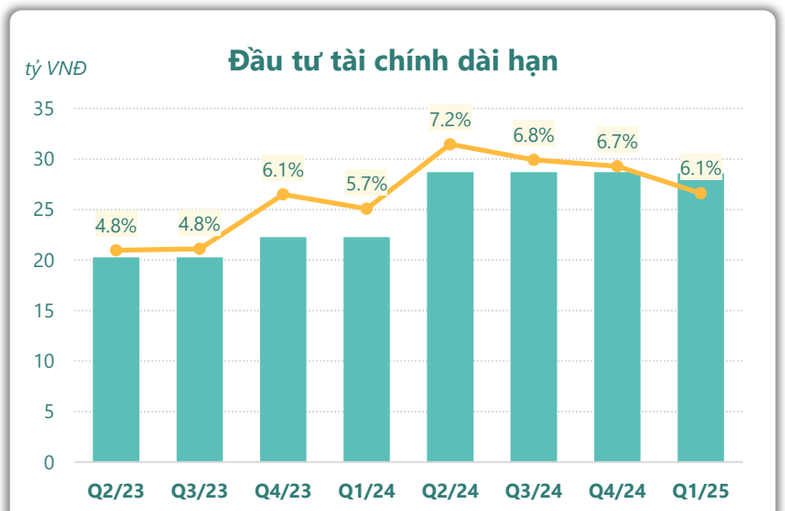
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



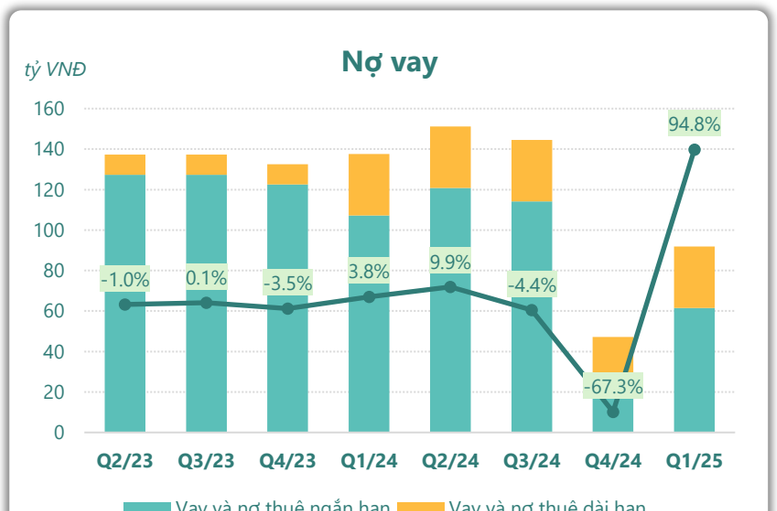
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

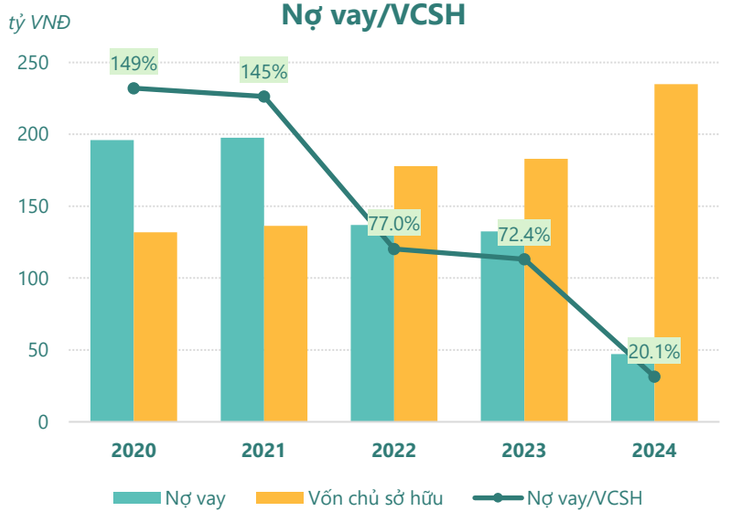
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

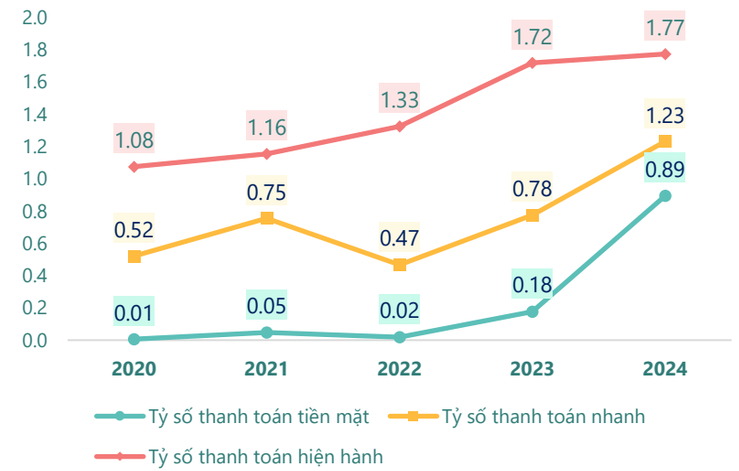
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



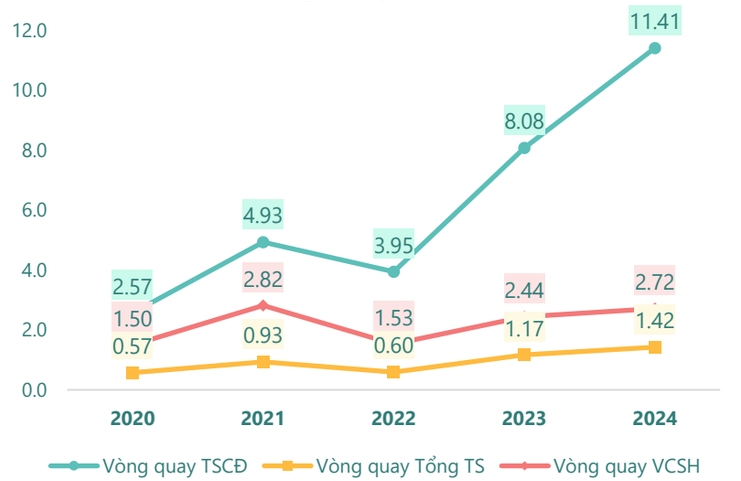
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



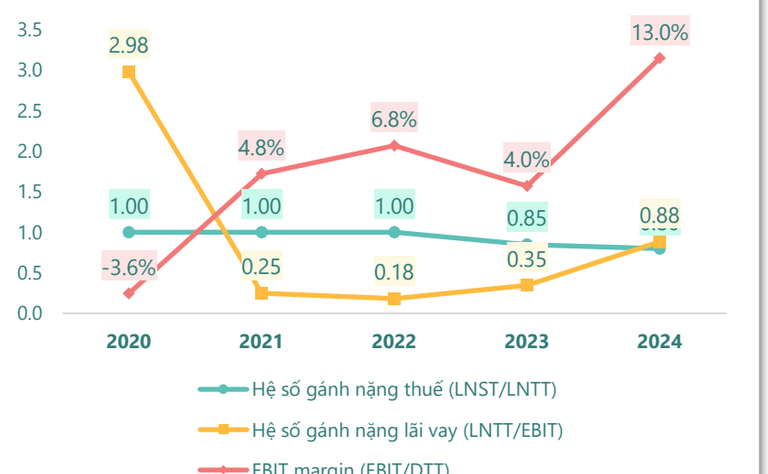
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



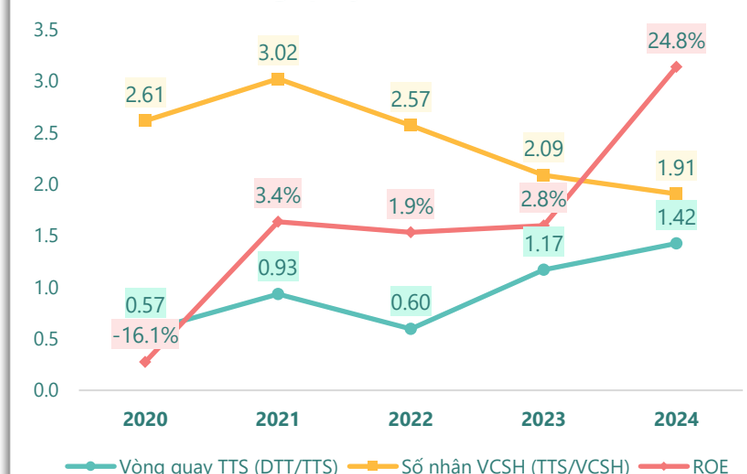
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



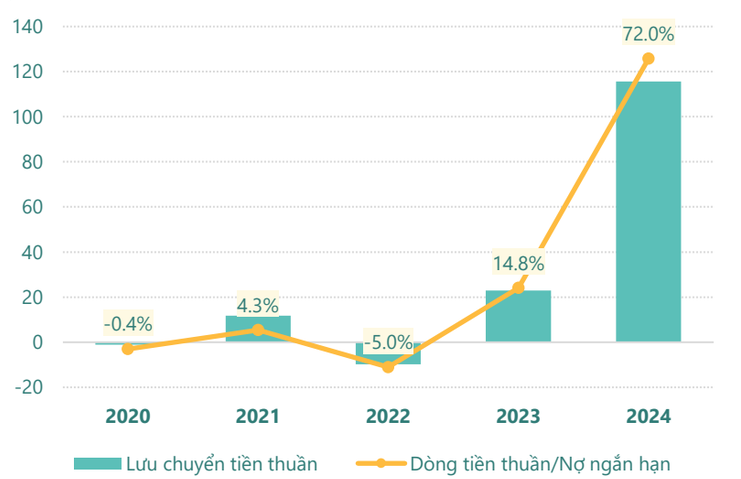
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**23.4**	**61.0**	**-61.7%**	**567**	**440**	**29.0%**
Giá vốn hàng bán	19.6	54.0	-63.8%	478	410	16.6%
Lợi nhuận gộp	3.80	7.10	-46.5%	89.9	30.4	196%
Doanh thu HĐTC	1.87	0.70	168%	2.64	2.16	21.9%
Chi phí TC	1.05	2.39	-56.0%	10.4	11.5	-9.4%
Chi phí lãi vay	0.98	2.39	-59.1%	8.56	11.4	-25.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.18	0.46	-60.9%	3.06	2.79	9.6%
Chi phí QLDN	**2.37**	**3.71**	**-36.2%**	**16.4**	**14.0**	**16.9%**
LN thuần từ HĐKD	2.07	1.24	67.0%	62.8	4.30	1361%
Lợi nhuận khác	**0.40**	**0.58**	**-30.6%**	**2.29**	**1.76**	**30.5%**
LN trước thuế	2.47	1.82	35.9%	65.1	6.05	975%
Lợi nhuận sau thuế	**1.98**	**1.45**	**36.5%**	**51.9**	**5.13**	**911%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.98**	**1.45**	**36.5%**	**51.9**	**5.13**	**911%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	4.91	-22.4	44.1	41.2	158	-85.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.43	-1.33	-16.0	4.33	-7.36	-72.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.80	5.06	13.6	-6.69	-97.3	44.7
Tiền đầu kỳ	30.9	27.4	9.45	52.3	89.5	144
Lưu chuyển tiền thuần	**-4.33**	**-18.7**	**41.7**	**38.9**	**53.6**	**-113**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.87	0.70	1.11	-1.69	0.60	1.65
Tiền cuối kỳ	27.4	9.45	52.3	89.5	144	32.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**470**	**428**	**9.8%**
Tài sản ngắn hạn	321	285	12.6%
Tiền và tương đương tiền	32.8	144	-77.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	109	39.5	175%
Hàng tồn kho	159	87.1	82.6%
Tài sản ngắn hạn khác	20.3	14.7	38.5%
Tài sản dài hạn	**149**	**143**	**4.1%**
Phải thu dài hạn	2.39	2.14	12.1%
Tài sản cố định	42.4	43.6	-2.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	14.5	11.9	22.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	28.6	28.6	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**61.0**	**56.8**	**7.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	233	193	20.6%
Nợ ngắn hạn	**200**	**161**	**24.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	61.5	16.8	266%
Phải trả người bán ngắn hạn	90.0	93.6	-3.8%
Nợ dài hạn	32.4	32.4	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	30.4	30.4	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**237**	**235**	**0.8%**
Vốn chủ sở hữu	**237**	**235**	**0.8%**
Vốn điều lệ	117	117	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)